TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan.

2. Ông Nguyễn Văn Soan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên toà: Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1344/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Đình Yến H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số B đường N, Phường G (nay là Phường A), quận G, Thành phố H. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hứa Văn P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số B đường N, Phường G (nay là Phường A), quận G, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Đình Yến H trình bày:

Bà và ông Hứa Văn P tự nguyện quen biết và yêu thương nhau đến năm 1993 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường E, quận G, Thành phố H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 042/1993 ngày 24 tháng 7 năm 1993. Bà và ông P chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, ông P thường xuyên đi nhậu và sử dụng ma túy nên gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông P đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Bà

và ông P đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Đình Yến H yêu cầu ly hôn với ông Hứa Văn P.

Về con chung: Có 04 con chung tên là: Hứa Yến N, sinh ngày 05/02/1994 (Đã trưởng thành); Hứa Gia H1, sinh ngày 13/3/1995 (Đã trưởng thành); Hứa Gia T, sinh ngày 11/10/1996 (Đã trưởng thành) và Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P1 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Hứa Văn P và giấy triệu tập ông P đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông P vắng mặt. Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông P nhưng ông P không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự cho thấy, bà H và ông P đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Đình Yến H. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Đình Yến H được ly hôn với ông Hứa Văn P; Về con chung: Có 04 con chung tên là: Hứa Yến N, sinh ngày 05/02/1994; Hứa Gia H1, sinh ngày 13/3/1995; Hứa Gia T, sinh ngày 11/10/1996 và Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008. Giao con chung tên là: Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Toà án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Đình Yến H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Hứa Văn P, đây là quan hệ: "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Bùi Đình Yến H vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Ông Hứa Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điểm a và b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H, ông P.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 042/1993 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G, Thành phố H cấp ngày 24 tháng 7 năm 1993, xác định hôn nhân giữa bà Bùi Đình Yến H và ông Hứa Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Đình Yến H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà H trình bày giữa bà và ông Hứa Văn P không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gay gắt vì ông P không quan tâm gia đình, thường xuyên đi nhậu và sử dụng ma túy nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H và ông P đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông P, Tòa án đã triệu tập ông P tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà H và ông P hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông P vẫn không có mặt thể hiện ông P không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Căn cứ kết quả xác minh của Hội L, quận G như sau: Sau khi xác minh, trong quá trình sống chung, ông P và bà H có xảy ra mâu thuẫn do ông P hiện tại đang nghiện ma túy, thường xuyên ăn nhậu và gây rối trật tự.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về người trực tiếp nuôi con: Tại Bản tự khai ngày 15/11/2024, trẻ Hứa Toàn P1 trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hiện nay trẻ P1 đang chung sống với bà H. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của trẻ P1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008, ông P không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu trong vụ án này. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông P cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điểm a và b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Đình Yến H được ly hôn với ông Hứa Văn P (Giấy chứng nhận kết hôn số số 042/1993 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận G, Thành phố H cấp ngày 24 tháng 7 năm 1993 không còn hiệu lực).

Về con chung: Có 04 con chung tên là: Hứa Yến N, sinh ngày 05/02/1994; Hứa Gia H1, sinh ngày 13/3/1995; Hứa Gia T, sinh ngày 11/10/1996 và Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008. Bà Bùi Đình Yến H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là: Hứa Toàn P1, sinh ngày 02/11/2008 cho đến khi trẻ P1 đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hứa Văn P cho đến khi có yêu cầu.

Ông Hứa Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Bùi Đình Yến H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014959 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Đình Yến H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hứa Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận G, TP . HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP . HCM;
- UBND Phường 5, Q. Gò Vấp, TP . HCM;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mộng Tuyền